

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 209/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16 – 9 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sol.

Bà Bùi Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiêm – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 413/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Ngọc O, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/7/2024 và các lời khai tại Tòa án bà Phạm Ngọc O (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn M chung sống với nhau vào năm 1993, hôn nhân tự nguyện, đến năm 2003 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2006 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, ông M không quan tâm lo lắng gia đình, chỉ ăn chơi, vợ chồng thường xuyên cự cãi và đã sống ly thân từ năm 2006 cho đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nay bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 13/3/1995 và Nguyễn Như Ý, sinh ngày 29/10/1996. Hiện tại, các con đã trưởng thành, sức khỏe phát triển bình thường nên không đặt ra việc nuôi con và cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Nguyễn Văn M, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý về yêu cầu của bà Phạm Ngọc O nhưng ông M không có ý kiến. Tòa án thông báo để ông M tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông M vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa ông, bà được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập họp lệ ông Nguyễn Văn M tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông M vắng mặt không lý do; nguyên đơn bà Phạm Ngọc O có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông M, bà O theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:

Tranh chấp giữa bà Phạm Ngọc O với ông Nguyễn Văn M là tranh chấp hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Văn M có địa chỉ cư trú tại ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Bà Phạm Ngọc O và ông Nguyễn Văn M chung sống với nhau vào năm năm 1993, hôn nhân tự nguyện, đến năm 2003 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 29/2003 ngày 15/11/2003 nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Bà O yêu cầu được ly hôn với ông M, với nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, ông M không quan tâm lo lắng gia đình, chỉ ăn chơi, vợ chồng thường xuyên cự cãi và đã sống ly thân từ năm 2006 cho đến nay. Đối với yêu cầu này Hội đồng xét xử thấy rằng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử ông M không có ý kiến bằng văn bản hay trực tiếp tranh tụng tại phiên tòa để thể hiện quan điểm đối với yêu cầu của bà O, cũng như tự bảo vệ quyền lợi hợp pháp chính đáng cho ông. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa bà O và ông M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của bà O, cho bà O được ly hôn với ông M là có căn cứ pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Bà O xác định có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 13/3/1995 và Nguyễn Như Ý, sinh ngày 29/10/1996. Hiện tại, các con đã trưởng thành, sức khỏe phát triển bình thường nên không đặt ra việc nuôi con và cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Bà O xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về nợ thu, nợ trả: Bà O xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà O phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 51, 53 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Ngọc O.

[1] Về hôn nhân: Bà Phạm Ngọc O được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

[2] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Ngọc O phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013404 ngày 02/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước; bà O đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Phạm Ngọc O và ông Nguyễn Văn M vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Phòng KTNV&THA;
- UBND xã Phong Lạc;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Hiền

